

QUAN HỆ DÒNG HỌ TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI TÀY TỪ ĐỔI MỚI (1986) ĐẾN NAY

(Nghiên cứu trường hợp xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)

TẠ THỊ ANH

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu vai trò của quan hệ dòng họ trong đời sống kinh tế hộ gia đình người Tày ở xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn từ Đổi mới (1986) đến nay. Nghiên cứu chỉ ra rằng, dòng họ ngày nay vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của người Tày. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế hộ gia đình đã chuyển đổi theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa thị trường, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, một số hình thức trợ giúp của dòng họ trong sản xuất đã thay đổi. Quan hệ họ hàng mặc dù vẫn đóng vai trò là một nguồn vốn xã hội quan trọng nhưng không thể đáp ứng hết nhu cầu phát triển của kinh tế hộ gia đình trong điều kiện mới.

Từ khóa: Dân tộc Tày, quan hệ dòng họ, kinh tế hộ gia đình

Dòng họ là một thành tố văn hóa của tộc người, yếu tố cơ bản trong cấu trúc cộng đồng xã hội. Trong xã hội truyền thống của các tộc người ở nước ta, dòng họ luôn đóng vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của những thành viên trong gia đình. Những thập kỷ qua, quá trình chuyển đổi kinh tế đã tác động và làm thay đổi ít nhiều đến thiết chế xã hội truyền thống, cũng như quan hệ dòng họ ở nhiều tộc người (Nguyễn Tuấn Anh, 2010; Bé Viết Hậu, 2012; Nguyễn Thu Hiền, 2015), song về cơ bản, dòng họ vẫn đóng vai trò như một nguồn vốn xã hội trong phát triển kinh tế và tương trợ cộng đồng (Nguyễn Tuấn Anh, 2012; Lê Minh Anh, 2014). Chính vì vậy, cần có nhiều nghiên cứu thực địa về vai trò

của dòng họ trong từng lĩnh vực ở các tộc người và địa phương khác nhau để hiểu được thực tiễn biến đổi của quan hệ dòng họ trong xã hội ngày nay.

Các nghiên cứu về dòng họ của người Tày từ trước đến nay chủ yếu miêu tả về thiết chế và quan hệ dòng họ trong xã hội truyền thống (Lã Văn Lô, Hà Văn Thư, 1984; Viện Dân tộc học, 1992; Hoàng Quyết, 1995...). Đáng chú ý, gần đây có hai công trình nghiên cứu đề cập đến sự biến đổi trong quan hệ dòng họ của người Tày (La Công Ý, 2010; Bé Viết Hậu, 2012), nhưng chỉ đưa ra một vài nhận định về các xu hướng biến đổi chính. Nhìn chung, việc tìm hiểu về dòng họ, vai trò và quan hệ dòng họ ở dân tộc Tày từ các chiều cạnh kinh tế, xã

hội và văn hóa cũng như các vấn đề đang đặt ra trong thời kỳ Đổi mới vẫn chưa được đi sâu tìm hiểu kỹ lưỡng. Bài viết này tập trung tìm hiểu vai trò của quan hệ dòng họ ở người Tày tại xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đối với đời sống kinh tế của các hộ gia đình nơi đây từ Đổi mới (1986) đến nay.

1. Người Tày và dòng họ người Tày ở xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Theo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009, người Tày ở Lạng Sơn có 259.532 người, chiếm 35,4% dân số toàn tỉnh và 31,5% tổng số người Tày tại Việt Nam. Quang Lang là một trong 19 xã của huyện Chi Lăng, có diện tích tự nhiên 30,79km² và dân số là 7.541 người (năm 2015). Về phân bố địa lý và hành chính, xã Quang Lang gồm có 13 thôn, phân bố chủ yếu quanh thị trấn Đồng Mỏ với 3 dân tộc chính là Tày, Nùng, Kinh. Dân tộc Tày ở xã Quang Lang có 2.256 nhân khẩu (542 hộ), chiếm 31,13% dân số toàn xã, đứng thứ 2 về dân số sau người Nùng, tập trung đông nhất tại 4 thôn: Làng Đăng, Làng Trung, Núi Đá và Khun Phang. Ở bài viết này, chúng tôi chọn hai thôn Khun Phang và Làng Đăng làm điểm nghiên cứu bởi hai địa bàn này có dân số người Tày tập trung đông nhất và có các dòng họ lớn định cư lâu đời ở đây.

Người Tày ở đây cho rằng, dòng họ là toàn thể những người cùng họ có chung quan hệ huyết thống và được sinh ra từ một ông tổ. Mỗi thôn đều có dòng họ lớn, thường cư trú đầu tiên và các dòng họ nhỏ đến sinh sống về sau. Tại thôn Khun Phang, vào năm 2016, có 60/83 hộ gia đình người Tày cư trú. Trong đó: họ Lô (24 hộ) và họ Vi (22 hộ)

được coi là hai họ lâu đời ở đây. Họ Lô có nguồn gốc từ họ Trần ở dưới xuôi lên cư trú vào khoảng đầu thế kỷ XVIII. Ngoài ra, còn có các dòng họ với số hộ ít hơn như họ Hoàng (11 hộ), Lương (3 hộ). Tại thôn Làng Đăng, có 118/123 hộ người Tày, chủ yếu là dòng họ Vi (110 hộ) và đây cũng là họ đầu tiên đến khai hoang, lập nghiệp tại thôn. Các họ khác chiếm số lượng không đáng kể như họ Hoàng (5 hộ), Nguyễn (5 hộ), Lý (1 hộ), Lương (1 hộ), Trịnh (1 hộ). Hiện nay, tại xã Quang Lang, không dòng họ Tày nào có mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới Việt - Trung.

Người Tày ở xã Quang Lang quan niệm: “Người có tổ tiên như cây có gốc rễ. Tổ tiên gây dựng, tu nhân tích đức nhiều đời, dòng họ mới phồn thịnh, con cháu mới được vẻ vang”¹. Từ quan niệm đó, họ tin rằng, dòng họ luôn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của người Tày. Tổ chức thân tộc của người Tày bao gồm Tam tộc, mỗi cá nhân không chỉ có quan hệ với họ nội, họ ngoại, mà còn quan hệ với cả họ thông gia. Đối với các công việc quan trọng trong gia đình như đám ma, cưới hỏi, làm nhà mới... đều có sự tham dự đông đủ “ba bề bốn bên” họ hàng. Gia đình của người Tày theo chế độ phụ quyền nên họ nội thường được coi trọng hơn họ ngoại. Cấu trúc dòng họ của người Tày ở xã Quang Lang tương đối chặt chẽ, thể hiện rõ tôn ti, trật tự, thứ bậc đối với các thành viên. Đặc điểm nổi bật về tổ chức dòng họ của người Tày ở xã Quang Lang trước đây là cùng cư trú trong một địa vực nhất định. Đến nay, mặc dù không gian cư trú của dòng họ không còn như cũ do dân số phát triển, đất

¹ Phả ký dòng họ Vi ở thôn Làng Đăng.

đai thu hẹp nhưng không vì thế mà cấu trúc dòng họ dễ bị xóa bỏ. Sinh hoạt dòng họ (họp họ) được tổ chức kết hợp với họp mả vào dịp trước Tết Nguyên đán hàng năm là dấu ấn quan trọng về quan hệ xã hội và văn hóa đến nay vẫn được duy trì, mặc dù hầu hết các dòng họ từ xưa không có cơ sở thờ tự riêng. Trong sinh hoạt dòng họ trước đây và hiện nay, người Tày vẫn lấy nhà trưởng họ (nhà gốc) làm nơi thờ tự và tổ chức sinh hoạt lễ nghi. Từ Đổi mới đến nay, do điều kiện kinh tế khá hơn nên mối quan hệ dòng họ của người Tày ở hai thôn Khun Phang và Làng Đăng ngày càng được tăng cường thông qua các hoạt động xây dựng mả tổ, nhà thờ họ, khôi phục gia phả, tìm lại anh em họ hàng... Về cơ bản, tổ chức dòng họ của người Tày đã tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa các thành viên với sự giúp đỡ, tương trợ và bảo vệ lẫn nhau. Tuy nhiên, đôi khi vẫn có một số mâu thuẫn, xích mích nảy sinh giữa các thành viên trong họ song không lớn và đều được hòa giải trong nội bộ họ hàng và ít khi phải can thiệp ở cấp chính quyền thôn, xã.

2. Đôi nét về đời sống kinh tế hộ gia đình

Kinh tế truyền thống của người Tày ở xã Quang Lang là nông nghiệp lúa nước kết hợp với nương rẫy và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong thời kỳ hợp tác hóa, tư liệu sản xuất và nguồn nhân lực trong hoạt động sản xuất của gia đình đều thuộc sự quản lý của hợp tác xã. Sau Đổi mới (1986), các gia đình đều trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, gọi là kinh tế hộ gia đình. Từ đó, kinh tế của người Tày nơi đây cũng như các vùng quê khác tuy vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp (lúa nước, cây công nghiệp, chăn nuôi) và trồng rừng nhưng ngày càng chú trọng đầu tư về nhân

lực, vốn và tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng và hướng tới sản xuất hàng hóa. Ngoài lúa và ngô là hai cây trồng chủ yếu, người Tày ở đây còn trồng thêm khoai tây, bí xanh trong vụ Đông và khoảng 60% hộ gia đình ở hai thôn Khun Phang và Làng Đăng đã đầu tư trồng ớt để bán ra thị trường. Từ chỗ trên 90% là hộ thuần nông, đến năm 2000, tỷ lệ này đã giảm xuống còn hơn 60%. Bên cạnh nông nghiệp, việc di cư làm ăn theo mùa vụ, buôn bán nhỏ, dịch vụ và làm thuê cũng ngày càng phát triển. Quá trình này còn được thúc đẩy mạnh hơn sau năm 2000 khi đường Quốc lộ 1A (mới) chạy xuyên tâm xã Quang Lang. Từ đó, có khoảng 30 hộ gia đình đã chuyển đổi hoàn toàn sang làm kinh doanh nhỏ, dịch vụ và tới 40% hộ gia đình có lao động đi làm công nhân và làm thuê quanh năm. Ở phạm vi xã, cơ cấu thu nhập của các hộ gia đình người Tày năm 2015 cho thấy sự thay đổi rõ rệt, cụ thể là: trồng trọt: 37%; chăn nuôi: 22%; buôn bán dịch vụ: 8%; làm thuê: 18%, còn lại là lương và các nguồn khác.

Nếu như trước Đổi mới, đất đai và nguồn nhân lực là hai yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và khác biệt trong kinh tế của các hộ gia đình ở vùng cao Việt Nam (Sikor và Pham, 2005, tr. 408) thì giờ đây, đối với người Tày ở xã Quang Lang, kiến thức kỹ thuật, thông tin thị trường và quan hệ xã hội còn đóng một vai trò khá quan trọng trong đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh hộ theo cơ chế thị trường. Đối với các hộ trồng trọt, để phát triển cây hàng hóa, người dân phải học hỏi, tìm hiểu về các giống cây trồng có giá trị, tìm mua giống, tìm hiểu cách chăm sóc và tiếp cận thị trường đầu ra. Đối với các hộ buôn bán kinh doanh, làm dịch vụ, việc tìm hiểu mặt hàng

sẵn có trong vùng đang được thị trường rộng lớn ưa chuộng, biết tìm hiểu, mua gom hàng (vai trò thương lái) là rất quan trọng vì có liên quan đến mối quan hệ họ hàng gần xa ở bên nội, bên ngoại hoặc bên vợ/chồng. Cũng như vậy, hiện nay, ngoài vốn tài chính, vốn xã hội trở thành nhân tố quan trọng, quyết định sự phân hóa các nhóm trong cộng đồng, và có khả năng chúng đều có liên quan đến dấu ấn họ hàng trong cùng tộc người. Điều này sẽ được làm rõ hơn ở phần dưới đây.

3. Vai trò của dòng họ trong đời sống kinh tế hộ gia đình

3.1. Quan hệ họ hàng trong sở hữu và sử dụng đất đai

Giống như người Kinh (Việt), dòng họ của người Tày ở một số nơi trước kia có ruộng hương hỏa - là tài sản chung của cả dòng họ (La Công Ý, 2010, tr. 237). Tuy nhiên, với các dòng họ của người Tày ở hai thôn Khun Phang và Làng Đăng lại không có sở hữu đất đai chung như vậy mà chỉ có đất canh tác riêng của các hộ gia đình. Trước khi tham gia phong trào hợp tác hóa những năm 1960, hầu hết các gia đình người Tày ở xã Quang Lang đều có ruộng nước canh tác, trung bình mỗi hộ có khoảng 2 mẫu ruộng. Do quá trình tăng dân số, một phần nhỏ diện tích đất bị mất trong quá trình đô thị hóa và do xói mòn, sạt lở², cho đến nay, diện tích ruộng của các hộ gia đình còn lại trung bình từ khoảng 1.032m²/hộ (thôn Khun Phang) tới 1.305m²/hộ (thôn Làng Đăng). Ngoài ra, 44% các hộ ở hai thôn sở hữu khoảng 65ha đất rừng để trồng thông và

xen canh các cây ăn quả như chuối, vải, nhãn; 46% hộ gia đình sở hữu 9ha đất nương rẫy để trồng na, bưởi, vải, nhãn.

Ở xã Quang Lang, đất đai thường được bố mẹ chia cho các con trai, trong đó, người con trai trưởng thường được nhiều hơn. Chính sách khoán 10 trong nông nghiệp năm 1989 đã xảy ra tình trạng đòi lại đất ruộng của cha ông ở các tộc người Tày, Nùng vùng Đông Bắc, trong đó có mâu thuẫn đất đai giữa anh em trong gia đình, dòng họ (Bế Văn Hậu, 2012, tr. 167). Ở xã Quang Lang, thời gian này cũng có một số gia đình là anh em ruột tranh chấp đất đai của bố mẹ, được công hữu khi vào hợp tác xã những năm 1960. Khi hợp tác xã giải thể, các con cái đã có gia đình riêng đòi lại số ruộng đất trước đây. Ở thôn Khun Phang đã diễn ra một số trường hợp tranh chấp, chia đất giữa con trưởng, con thứ, con gái đi lấy chồng với anh em trai sau khi cha mẹ mất. Khi xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được trưởng họ và chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm, quan hệ giữa những người anh em không còn gắn bó như cũ.

Từ năm 2000 trở lại đây, dưới tác động của quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế thị trường, đất đai trở nên có giá trị hơn³, tranh chấp đất đai ở xã Quang Lang trở thành vấn đề nổi cộm hơn trước. Năm 2016, cả xã có 38 hồ sơ khiếu kiện đất đai; trong đó, riêng thôn Khun Phang có 6 trường hợp anh em kiện nhau về việc hưởng dụng đất không công bằng, người được nhận chỗ đất có giá trị cao, người phải nhận chỗ đất có giá trị thấp. Tuy nhiên, bên cạnh những mâu

² Năm 2000, khi mở đường Quốc lộ 1A, hai thôn mất khoảng 6ha đất ruộng. Gần đây, có khoảng 10 hộ ở thôn Làng Đăng đang bị mất mỗi hộ một vài sào ruộng do sạt lở ở ven bờ sông Thương.

³ Ở thời điểm hiện tại, 1 lô đất ở có diện tích khoảng 200m² gần đường có giá khoảng 600 triệu đồng tới 1 tỷ đồng.

thuần này sinh do lợi ích kinh tế này, cũng có sự liên kết, ủng hộ nhau của cùng dòng họ trong việc chuyển nhượng, cho mượn và thậm chí là hiến tặng đất đai cho việc làm đường liên thôn ở Làng Đẳng khi thôn này được công nhận là Làng văn hóa, đặc biệt là việc dành đất đai để chôn cất người đã mất trong cùng dòng họ.

Từ khi có đường Quốc lộ 1A (mới) chạy qua xã, giao thông thuận lợi, đất mặt đường có giá trị cao hơn trước đây, tình trạng mua bán, chuyển nhượng đất đai giữa các hộ trong thôn, xã, thậm chí là ở các tỉnh khác ngày càng tăng. Thông thường, người dân ưu tiên chuyển nhượng, bán lại cho anh em trong họ hàng trước nếu có nhu cầu và điều kiện, sau đó mới đến người ngoài. Người Tày quan niệm, đất đai của tổ tiên để lại là tài sản vô giá, việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người trong cùng dòng họ sẽ giúp gìn giữ được phần đất hương hỏa của tổ tiên để lại cho con cháu. Khảo sát cho thấy, có khoảng 10 hộ ở thôn Khun Phang đã chuyển đổi từ canh tác nông nghiệp sang đầu tư ngành nghề khác và số ruộng đất còn lại đã cho người khác thuê, mượn ruộng để canh tác. Đa số các hộ này đều ưu tiên anh em, họ hàng thuê theo tỷ lệ hoa lợi 70/30 hoặc 60/40 (người nhận ruộng/người cho thuê), do đôi bên thỏa thuận, thậm chí một số ít hộ còn cho người nhà mượn, không phải trả phí. Khi được hỏi lý do tại sao lại muốn cho anh em, họ hàng thuê hoặc làm hộ, những hộ này đều có quan điểm chung là để giúp nhau và có thể tin cậy hơn người ngoài.

Ở xã Quang Lang, mỗi dòng họ thường có một khu nghĩa địa riêng. Do áp lực dân số và sự thu hẹp đất đai nên hiện nay, một số

dòng họ gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng, mở rộng khu an táng. Đã có trường hợp người trong họ hiến tặng đất của gia đình mình để xây dựng nghĩa trang của dòng họ: “Người Tày chúng tôi sẵn sàng cho nhau vài mét đất để xây mộ cho người đã mất. Khi dòng họ ngoại nhà tôi xây dựng khu nghĩa địa cho cả dòng họ, gia đình tôi có mảnh đất nương đẹp, hợp phong thủy nên tôi đã hiến tặng mảnh đất đó để làm nơi an táng” (Lô Quốc Kh., 57 tuổi, thôn Khun Phang). Một vài dòng họ trong xã đang có ý định xây nhà thờ họ nhưng gặp phải vấn đề không có đất và họ đang mong chờ sự hiến tặng của các gia đình thành viên trong họ.

3.2. Tương trợ của họ hàng trong sản xuất nông nghiệp

Trước năm 1960, khi chưa áp dụng máy móc, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, việc trao đổi, giúp đỡ nhân công lao động trong sản xuất diễn ra phổ biến ở người Tày với các hình thức “giúp công” (*vàn công*) và “giúp sức” (*vàn rềng*) giữa các gia đình trong dòng họ và thôn bản. Trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, vai trò của dòng họ và các quan hệ họ hàng ở xã Quang Lang trở nên nhạt nhòa hơn do sản xuất được điều hành bởi Ban chủ nhiệm hợp tác xã (La Công Ý, 2010). Từ khi Đổi mới, các hộ gia đình đã trở thành một đơn vị kinh tế độc lập, sự giúp đỡ, hỗ trợ của anh em, họ hàng trong trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất, kinh doanh lại được khôi phục nhưng đã có nhiều thay đổi so với trước. Tập quán giúp công, giúp sức trong mùa vụ vẫn được duy trì song không còn được thường xuyên nữa. Chỉ có một vài gia đình trong họ bận công việc buôn bán hay làm công chức mới cần nhờ đến sự giúp sức của anh em

trong họ, còn lại đa phần các gia đình tự làm (thuê mướn thêm máy móc). Một số gia đình có điều kiện kinh tế hơn thì thuê nhân công từ các làng khác: “Hiện nay một vài gia đình có điều kiện, họ thường thuê người làm từ gieo trồng cho đến thu hoạch. Họ duy trì trồng trọt chủ yếu để lấy sản phẩm có nguồn gốc đảm bảo, đồng thời giữ nguồn đất đai của gia đình” (Vi Văn D., 70 tuổi, thôn Làng Đăng).

Trước kia, do chủ yếu sử dụng các giống cây trồng truyền thống của địa phương nên các giống lúa hay cây hoa màu thường được chọn từ những giống tốt nhất của vụ này để lại cho năm sau gieo trồng. Các giống vật nuôi bản địa cũng dựa trên việc lai tạo và chọn giống tự nhiên theo cách thức truyền thống. Các gia đình trong dòng họ có giống tốt thường chia sẻ cho nhau: “Trước đây, chúng tôi thường chọn ra những giống lúa, ngô tốt nhất của mùa vụ trước để gieo trồng cho mùa vụ sau. Anh em, họ hàng có được giống tốt thường cho nhau, có khi đến cả chục kg thóc giống, vài cái bắp ngô giống, vài cân lạc...” (Lô Quốc Kh., 57 tuổi, thôn Khun Phang). Giống trâu, bò là những tài sản có giá trị, đắt tiền nên anh em, họ hàng cũng thường phải hỗ trợ bằng hình thức “bán chịu” cho nhau để làm vốn: “Ngày xưa, để mua được một con trâu, con bò làm giống vô cùng khó khăn. Anh em trong dòng họ có bê hay nghé thường bán cho nhau, bán chịu trả dần chứ cũng không có tiền trả ngay” (Vi Thị Q., 86 tuổi, thôn Làng Đăng). Ngày nay, đa số các gia đình người Tày ở xã Quang Lang thường nuôi khoảng 20 con gà, vịt để phục vụ nhu cầu của gia đình trong dịp lễ, tết, khách khứa và bán đi khi túng thiếu. Chăn nuôi lợn mặc dù không không phát triển

manh do những năm qua dịch bệnh nhiều nhưng vẫn được duy trì ở khoảng 80% các hộ gia đình với tổng số 230 con của cả hai thôn. Trong sản xuất nông nghiệp, máy móc ngày càng được sử dụng rộng rãi nên việc sử dụng sức kéo của trâu bò không còn quan trọng như trước. Chỉ còn hơn 10 hộ ở hai thôn nuôi trên 110 con trâu, 40 con dê để bán ra thị trường và để cày, bừa ở những chân ruộng nhỏ hẹp, máy móc không vào được.

Với hình thức nuôi nhốt chuồng, có sử dụng thức ăn công nghiệp và giống chăn nuôi cũng khá đắt đỏ nên nhiều gia đình có mức sống trung bình ở xã Quang Lang phải bỏ vốn đầu tư cho chăn nuôi khá lớn và đôi khi họ phải vay vốn. Trong số 140 hộ được điều tra ở xã Quang Lang, ngoài 44 hộ gia đình vay tiền của các quỹ tín dụng, ngân hàng, có 10 hộ gia đình vay mượn tiền của anh em, họ hàng năm 2015 để làm vốn sản xuất và giải quyết các công việc cần thiết trong gia đình.

Xét trong điều kiện kinh tế hộ gia đình ở đây đang chuyển đổi theo hướng tăng cường sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường, các hình thức trợ giúp một phần nhân công, vốn sản xuất trên chỉ mang tính tương trợ. Hơn 10 năm trở lại đây, việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng một số loại cây như dưa hấu, khoai tây, ớt để bán ra thị trường đã thu hút các hộ gia đình đầu tư phát triển cây hàng hóa này. Tuy nhiên, trong chuỗi sản xuất ấy, người dân ở đây vẫn chỉ dừng lại ở kiểu hoạt động sản xuất kinh doanh mà các nhà kinh tế học gọi là “kinh tế thị trường hoang dã”. Khi trồng dưa hấu, họ trồng ồ ạt mà chưa tìm hiểu nhu cầu của thị trường tiêu thụ dẫn tới tình trạng ế và phải bỏ hàng loạt. Khi trồng khoai tây, họ ký hợp

đồng thu mua với một số công ty nhưng chưa tham khảo các điều khoản chặt chẽ nên không nắm được quy chuẩn về kỹ thuật, quy cách trồng, giống khoai tây chuẩn dẫn tới việc trồng ra nhưng công ty không mua và phải bán khoai tây với mức “rẻ như cho” hoặc dùng làm thức ăn chăn nuôi. Cây ớt gần đây cũng đang phải chịu tình trạng bấp bênh về giá cả thị trường và nguy cơ sâu bệnh khiến người dân phải nghĩ đến việc có thể phải tiếp tục chuyển đổi cây trồng khác. Vấn đề đặt ra là trong bối cảnh các chương trình khuyến nông tại địa phương chưa phát huy được vai trò tích cực của mình; quan hệ xã hội của người dân chủ yếu giới hạn trong họ hàng, làng xã; không ít hộ gia đình gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin thị trường, kinh nghiệm sản xuất, bảo quản, tiêu thụ nông sản... nên thiệt hại kinh tế là không tránh khỏi.

3.3. Quan hệ dòng họ trong dịch vụ, buôn bán và lao động làm thuê

Nhờ địa thế cạnh ga Đồng Mô, từ những năm 1990, một số người dân ở hai thôn Khun Phang và Làng Dăng đã theo các chuyến tàu lên biên giới Việt - Trung chở hàng lậu kiếm tiền, làm cửu vạn hoặc môi giới/thầu cửu vạn, mua bán hàng hóa từ nơi khác về xã Quang Lang bán lấy lãi. Trong mỗi thôn, cũng có vài hộ gia đình thu mua nông sản của người dân đi bán ở các chợ lớn trong huyện, một số khác đi làm thuê ở thành phố Lạng Sơn và các tỉnh xung quanh. Tuy nhiên, phải từ năm 2000, khi đường Quốc lộ 1A mở ra, số lượng người Tày ở xã Quang Lang làm các công việc phi nông nghiệp như công nhân bốc vác, phụ hồ, thợ xây dựng, thợ điện nước, hàn xì cho các khu công nghiệp, các doanh nghiệp, công trình... ở quanh thị trấn của huyện ngày càng phổ

biến. Trong 30 hộ chuyển ra sinh sống ven đường, có nhiều hộ đã mở cửa hàng dịch vụ kinh doanh tạp hóa, giải khát, ăn uống hay nhà nghỉ. Một số lao động nam trong làng làm công việc xe ôm chở khách trong phạm vi nội xã hoặc liên xã lân cận để có thêm thu nhập cho gia đình.

Đối với các công việc làm thuê, dịch vụ, người dân thường đi theo nhóm, theo đoàn, trong đó chủ yếu là người trong cùng dòng họ, thôn bản. Ở thôn Khun Phang, trong tổng số 5 người làm nghề xe ôm thì đã có 4 người là anh em thuộc dòng họ Lô, còn lại là người Kinh⁴. Đối với người Tày, khi có người trong dòng họ ra ngoài làm thuê, nếu công việc tốt, thuận lợi thì họ sẽ quay về rủ thêm người trong họ hàng đi cùng. Do vậy, trong cộng đồng đã sớm hình thành các nhóm đi làm thợ xây, nhóm đi chạy chợ... đều là anh em có quan hệ họ hàng gần với nhau. Đặc biệt, lớp thanh niên lớn lên làm công nhân ở miền Nam, Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên... thường về “đưa” thêm anh chị em trong dòng họ mình cùng đi. Vì thế, đến nay trong làng có khá nhiều thanh niên đi làm công nhân cho khu công nghiệp, nếu không cùng dòng họ thì cùng làng, thuê nhà trọ và sinh sống với nhau. Nghiên cứu của tác giả Đặng Nguyên Anh (1998) về “mạng xã hội” của người di cư đã chỉ rõ, người Tày ở xã Quang Lang khi di cư thường chọn ở cùng “người nhà” để cảm thấy thoải mái trong sinh hoạt và trợ giúp nhau khi gặp khó khăn hay ốm đau, bệnh tật. Việc thoát ly nông nghiệp và có được việc làm ổn định trong lĩnh vực Nhà nước là mong muốn của rất nhiều người Tày ở xã Quang Lang hiện nay.

⁴ Một người giầu tên làm nghề chạy xe ôm thôn Khun Phang cung cấp.

Trong những năm gần đây, người Tày ở xã Quang Lang đã có ý thức đầu tư nhiều cho giáo dục. Kết quả điều tra hộ gia đình bằng bảng hỏi cho thấy, 31% thành viên của các gia đình có trình độ Trung học cơ sở, 30% có trình độ Trung học phổ thông và 12% có trình độ Cao đẳng và Đại học. Tuy nhiên, rất nhiều thanh niên ở xã Quang Lang hiện nay sau khi tốt nghiệp các trường Cao đẳng thường không xin được việc làm đúng ngành nghề nên đi làm công nhân ở các công ty tư nhân, doanh nghiệp liên kết với nước ngoài để kiếm sống.

Kết luận

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường và hội nhập, giống như ở người Việt, các mối quan hệ bên trong và bên ngoài dòng họ của người Tày ở xã Quang Lang đã được tăng cường hơn so với thời kỳ hành chính bao cấp. Bên cạnh đó, quan hệ dòng họ còn góp phần thúc đẩy sự tương trợ, hợp tác trong hoạt động kinh tế của hộ gia đình. Trong điều kiện kinh tế hộ gia đình đã chuyển đổi theo hướng đa dạng hóa và tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ... dẫn đến một số hình thức trợ giúp của dòng họ trong sản xuất cũng thay đổi theo. Các thành viên trong dòng họ rất ít duy trì hình thức đổi công, làm giúp nhau trong mùa vụ hay biếu tặng các lễ vật trong các dịp lễ nghi quan trọng như trước đây. Quan hệ kinh tế giữa các thành viên trong cùng dòng họ đã chuyển sang quan hệ giá trị của cơ chế thị trường. Song, những người cùng dòng họ sinh sống, làm ăn ở cộng đồng vẫn được coi trọng, khi thì bán chịu cho nhau cây, con

giống hay ưu tiên chuyển nhượng cho mượn, thuê ruộng đất, vay vốn phục vụ sản xuất,... Đối với các nhóm lao động phổ thông, khi cùng làm công việc thuê mướn, anh em, họ hàng vẫn thường cùng nhau chia sẻ, rủ nhau đi làm. Trong trường hợp đi làm ăn xa nhà, quan hệ họ hàng, cùng quê vẫn luôn là chỗ dựa về mặt tinh thần và vật chất đối với những người di cư. Thực tế, bên cạnh xu hướng cố kết, hỗ trợ, đã nảy sinh một số mâu thuẫn, tranh chấp trong quan hệ dòng họ ở đây do mâu thuẫn về lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, những xung đột này đều được giải quyết dựa trên việc lấy quan hệ dòng họ là “giọt máu đào hơn ao nước lã” làm trọng; vì thế, các cuộc xung đột ít khi phải đưa ra chính quyền hay cơ quan pháp luật giải quyết.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, trước đây, khi kinh tế hộ gia đình còn giới hạn chủ yếu ở sản xuất cây lương thực phục vụ nhu cầu gia đình và trao đổi khi dư thừa cần thiết, theo đó, sự tương trợ của dòng họ cũng đáp ứng được hầu hết các nhu cầu của các hộ gia đình. Hiện nay, các gia đình người Tày ở xã Quang Lang đang có xu hướng chuyển đổi kinh tế theo hai hướng: i) Tăng cường sản xuất hàng hóa thị trường để tăng thu nhập; ii) Tìm kiếm cơ hội chuyển đổi ngành nghề phi nông nghiệp. Quan hệ họ hàng chủ yếu đóng vai trò tương trợ một phần về mặt nhân lực, vốn tài chính khi cần thiết. Chưa thấy có sự hợp tác, hùn vốn trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa hay kinh doanh, dịch vụ giữa các thành viên trong dòng họ. Giống như nhiều vùng nông thôn miền núi khác trong cả nước, người

Tày tại điểm nghiên cứu còn thiếu các nguồn vốn cơ bản hoặc có nhưng còn hạn chế. Vì vậy, vốn xã hội từ quan hệ dòng họ chưa đủ mạnh để đáp ứng hai nhu cầu lớn của nhiều hộ gia đình.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (1998), “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, tr. 16-24.
2. Lê Minh Anh (2014), *Quan hệ dòng họ của người Nùng Phàn Slinh (Nghiên cứu ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn)*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Tuấn Anh (2010), *Kinship as Social Capital: Economic, Social and Cultural Dimensions of Changing Kinship Relations in a Northern Vietnamese Village*, Doctoral dissertation, Vrije Universiteit Amsterdam, The Netherlands.
4. Nguyễn Tuấn Anh (2012), “Quan hệ họ hàng - một nguồn vốn xã hội trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, Số 1, tr. 35-37.
5. Nguyễn Thị Thanh Bình (2013), “Tổng quan nghiên cứu và những biến đổi của dân tộc Tày từ năm 1980 đến nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 48-57.
6. Bê Văn Hậu (2012), *Nghiên cứu một số nét biến đổi văn hóa người Tày tại Lạng Sơn trong quá trình Đổi mới kinh tế - xã hội*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
7. Nguyễn Thu Hiền (2015), *Quan hệ dòng họ ở làng gốm Bát Tràng (xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) - truyền thống và biến đổi*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
8. Lã Văn Lô, Hà Văn Thụ (1984), *Văn hóa Tày, Nùng*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
9. Hoàng Quyết (1995), *Phong tục tập quán dân tộc Tày ở Việt Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Sikor, Thomas and Pham Thi Tuong Vi (2005), “The Dynamics of Commoditization in a Vietnamese Upland Village, 1980-2000”, *Journal of Agrarian Change* 5, No. 3, tr. 405-28.
11. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam (The Tay and Nung nationalities in Vietnam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.